TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/HNGĐST
Ngày 30/7/2018
V/v Ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1102/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T – Sinh năm: 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: 03 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Anh Tăng Ngọc H – Sinh năm: 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 03 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Tăng Ngọc H tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 18/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh H không chăm lo cho gia đình, thường xuyên cờ bạc, cá độ dẫn tới việc nợ nần phải bán hết tài sản để trả nợ. Sau đó còn bị các chủ nợ đòi nợ phải trốn đi khỏi nhà, chỉ dám về nhà vào ban đêm, khi về còn gây sự đánh đập vợ con chị T đã phải báo tổ

dân phố và Công an khu vực xử lý. Chị T xét thấy bản thân không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh H có 02 con chung:

1. cháu Tăng Ngọc Hải Đ - Sinh ngày: 09/8/2009.

2. cháu Tăng Ngọc Hải M - Sinh ngày: 20/10/2012.

Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập anh Tăng Ngọc H để làm việc và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện của chị Lê Thị T, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Tăng Ngọc H đã được Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh H.

[3] *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào lời trình bày của chị T, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T anh H tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 18/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về tình trạng hôn nhân của chị T anh H thì trong quá trình chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H thường xuyên cờ bạc, cá độ dẫn tới việc nợ nần phải bán hết tài sản để trả nợ, và bị các chủ nợ đòi phải bỏ trốn khỏi nhà dẫn đến các chủ nợ gây áp lực ảnh hưởng tới cuộc sống của vợ và các con.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết: Chị T anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 68 đường N, tổ dân phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhưng hiện nay không còn sinh sống tại địa chỉ này do căn nhà này đã sang tên cho chủ mới, không cho chị T anh H thuê nữa. Kể từ tháng 9/2017, chị T anh H thuê căn nhà tại 03 đường N, tổ dân phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để buôn bán và sinh sống tại đây. Quá trình chung sống tại địa chỉ này thì anh H do nợ nần từ cá độ bóng đá, đánh bạc nên đã bỏ trốn không thường xuyên có mặt tại địa phương chỉ thỉnh thoảng nửa đêm mới về, có lần xảy ra mâu thuẫn đánh nhau chị T có gọi điện báo tổ dân phố.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T anh H xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị T xin ly hôn anh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung:

1. cháu Tăng Ngọc Hải Đ - Sinh ngày: 09/8/2009.

2. cháu Tăng Ngọc Hải M - Sinh ngày: 20/10/2012.

Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung đến tuổi trưởng thành và quá trình giải quyết tại Tòa án thì cháu Đ cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Trong khi đó anh H đang nợ nần phải trốn nợ không thể đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng các con. Xét về nguyện vọng của chị T và cháu Đ, các điều kiện nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai cháu Đ và M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T. Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Tăng Ngọc H.

Về con chung: Giao con chung Tăng Ngọc Hải Đ - Sinh ngày: 09/8/2009 và Tăng Ngọc Hải M - Sinh ngày: 20/10/2012 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Tăng Ngọc H được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T anh H không có tài sản chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xin tự thỏa thuận nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐST được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0000695 ngày 23/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Nguyễn Thị Thanh